

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2022
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Võ Thị Ngọc The

- Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Phường Đ, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng T** – sinh năm 1997 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản Phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện quen biết và sống chung với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và làm đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Xuân Đ, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ngày 18/8/2015. Hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu lẫn nhau nên thường xuyên cự cãi. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, đời sống chung không tìm thấy hạnh phúc, Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014, hiện nay cháu N đang sống chung với mẹ và cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay tại Tòa án anh Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng T.

- Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh N cho chị Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện quen biết và sống chung với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và làm đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Xuân Đ, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ngày 18/8/2015. Hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu lẫn nhau nên thường xuyên cự cãi. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, đời sống chung không tìm thấy hạnh phúc, Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014, hiện nay cháu N đang sống chung với mẹ và cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Chị Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014. Chị

đồng ý việc anh Nguyễn Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Thanh N mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi cháu Nhã đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp để giải quyết vụ kiện nên chị T yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như trong các phiên hòa giải, phiên công khai chứng cứ, Phiên Tòa xét xử sơ thẩm cho đến khi kết thúc vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt, phía anh P đồng ý xét xử vắng mặt chị T. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Đ, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ngày 18/8/2015 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh P là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh, chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu lẫn nhau nên thường xuyên cự cãi. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, đời sống chung không tìm thấy hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Những mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn giữa vợ chồng phía chị T đã có văn bản thừa nhận là đúng và chị đồng ý ly hôn với anh P.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh P, chị T không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,....”, điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh P.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu xin nuôi con của chị Nguyễn Thị Mộng T. Hội đồng sơ thẩm xét thấy, cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 vẫn luôn sống chung với chị T kể từ ngày vợ chồng anh P, chị T ly thân cho đến nay. Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 17/6/2022 cháu N đề đạt nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi vợ chồng anh P, chị T ly hôn, phía anh P cũng thống nhất giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho cháu N được phát triển tốt cả về vật chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thanh N cho chị Thu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi cháu Nguyễn Thanh N đủ 18 tuổi và được phía chị T thống nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh P, chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn P.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phong được ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn P được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn P về việc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2022 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn P được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn P về việc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 07/8/2014 mỗi tháng với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2022 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Văn P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Nguyễn Văn P phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh P, chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng anh Nguyễn Văn P phải nộp án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006454 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Văn P còn phải nộp tiếp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị Mộng T có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND P. Xuân Đài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ